

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2013



HÀ NỘI, THÁNG 2 NĂM 2014

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 138B Giảng Võ - phường Kim Mã - quận Ba Đình - Hà Nội

Tel: (84-4) 38 443 151

Fax: (84-4) 38 443 665

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28

202
ÔN
H NHI
TOÁN
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Tổng Công ty

Tổng Công ty Dược Việt Nam tên giao dịch VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION, tên viết tắt là VINAPHARM, được thành lập theo Quyết định số 467b/BYT-QĐ ngày 30/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30/6/2010, Tổng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0100109385 ngày 27/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 3 ngày 13/12/2013 thì:

Vốn Điều lệ của Tổng công ty là 1.338.544.248.430 VND (Một nghìn, ba trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi đồng).

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn thuốc, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm khác: thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Bán buôn, chuyên doanh khác: kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán buôn thực phẩm: kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán buôn thiết bị, máy móc và phụ tùng máy khác: chi tiết máy móc và thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì giấy và bì;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Trụ sở chính đặt tại: Số 138B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 443 151 Fax: (84-4) 38 464 051

Thông tin về Chi nhánh:

1. Trung tâm dịch vụ thương mại Dược mỹ phẩm

Địa chỉ: số nhà 95 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Mã số Chi nhánh: 0100109385-001

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

2. Tổng Công ty Dược Việt Nam (Chi nhánh Myanmar)
Địa chỉ: 99A/2.2 đường Thanlwin, quận Kamayut, Khu Yangon, Myanmar

Thông tin về Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam
Địa chỉ: 178 Điện Biên Phủ, Phường 06, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
MST phòng đại diện: 0100109385-002

Thông tin về địa điểm kinh doanh:

Kho Vinapharm - Tổng Công ty Dược Việt Nam
Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00008

Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Quý Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Sơn	Ủy viên
Ông Lê Văn Sơn	Ủy viên
Ông Đinh Xuân Hân	Ủy viên
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Ủy viên
Ông Phan Xuân Kính	Ủy viên (nghỉ hưu từ tháng 10/2013)
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ - Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM



Nguyễn Đức Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

01202
CÔNG
CH NHIỆ
M TOÁN
VIỆT
GIẤY

Số: 26A-14/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Dược Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam, được lập ngày 12/02/2014, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty Dược Việt Nam giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		792.787.259.831	711.342.653.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	365.577.707.702	291.411.736.587
1. Tiền	111		4.577.707.702	6.511.736.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		361.000.000.000	284.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	400.000.000.000	401.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		400.000.000.000	401.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.271.297.920	18.250.060.546
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	2.109.841.723	807.470.450
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	4.661.384.319	354.975.100
3. Phải thu nội bộ	133		152.378.106	50.792.702
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	19.347.693.772	17.036.822.294
IV. Hàng tồn kho	140		39.797.545	-
1. Hàng tồn kho	141		39.797.545	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		898.456.664	680.856.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		396.715.367	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	159	VIII.2.3	501.741.297	680.856.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		653.212.521.833	656.737.128.644
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.158.540.463	10.158.540.463
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		10.158.540.463	10.158.540.463
II. Tài sản cố định	220		6.704.802.790	2.825.801.552
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	2.391.810.225	2.825.801.552
- Nguyên giá	222		7.048.172.444	7.256.873.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.656.362.219)	(4.431.071.623)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	231	V.06	4.312.992.565	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	635.456.658.438	643.481.058.438
1. Đầu tư vào Công ty con	251		318.718.648.438	331.468.648.438
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		270.189.505.000	252.939.505.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46.548.505.000	59.072.905.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		892.520.142	271.728.191
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	892.520.142	271.728.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.445.999.781.664	1.368.079.782.177

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.708.799.447	17.615.290.920
I. Nợ ngắn hạn	310		11.703.799.447	17.610.290.920
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.4	1.920.534.618	9.502.000
3. Người mua trả tiền trước	313		11.405.077	-
4. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	314	V.08	4.140.097.626	9.243.709.741
5. Phải trả người lao động	315		4.587.003.312	3.340.707.497
6. Chi phí phải trả	316		285.000.000	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	408.527.217	1.102.483.835
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		351.231.597	3.913.887.847
II. Nợ dài hạn	330		5.000.000	5.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.5	5.000.000	5.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.434.290.982.217	1.350.464.491.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1.434.290.982.217	1.350.464.491.257
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		439.550.852.683	439.550.852.683
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		411.826.294.941	411.826.294.941
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		48.853.341.291	48.853.341.291
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		83.826.490.960	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		450.234.002.342	450.234.002.342
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.445.999.781.664	1.368.079.782.177

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Quý

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Đức Sơn



Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11	10.397.628.917	2.850.925.492
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.397.628.917	2.850.925.492
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.12	7.485.567.919	378.142.178
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.912.060.998	2.472.783.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	133.166.735.704	185.331.823.775
7. Chi phí tài chính	22	VI.14	24.488.724	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	76.341.532	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	22.949.009.078	23.399.092.069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		113.028.957.368	164.405.515.020
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.8	-	598.019.457
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	598.019.457
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.028.957.368	165.003.534.477
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.15	10.922.775.953	15.386.754.794
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		102.106.181.415	149.616.779.683

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Quý

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Đức Sơn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2013	Năm 2012
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		9.621.318.097	2.763.603.660
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(15.170.610.114)	(6.518.464.005)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.684.981.550)	(9.370.343.652)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(15.632.110.967)	(11.599.760.514)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.405.956.321	3.807.999.873
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.266.891.941)	(18.797.923.226)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(6.727.320.154)</i>	<i>(39.714.887.864)</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(846.439.299)	(37.500.000)
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(359.500.000.000)	(448.769.900.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		368.524.400.000	453.000.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.994.160.251	184.880.707.321
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>99.172.120.952</i>	<i>189.073.307.321</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.279.690.455)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(18.279.690.455)</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		74.165.110.343	149.358.419.457
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		291.411.736.587	142.053.317.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		860.772	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	V.01	365.577.707.702	291.411.736.587

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Quý

Nguyễn Thị Hằng



Nguyễn Đức Sơn

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dược Việt Nam tên giao dịch VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION, tên viết tắt là VINAPHARM, được thành lập theo Quyết định số 467b/BYT-QĐ ngày 30/3/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo Quyết định số 2335/QĐ-BYT ngày 30/6/2010, Tổng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0100109385 ngày 27/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 3 ngày 13/12/2013 thì:

Vốn Điều lệ của Tổng công ty là **1.338.544.248.430 VND** (Một nghìn ba trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn thuốc, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất thực phẩm khác: thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- Bán buôn, chuyên doanh khác: kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quảng cáo; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán buôn thực phẩm: kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán buôn thiết bị, máy móc và phụ tùng máy khác: chi tiết máy móc và thiết bị y tế;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì giấy và bì;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Trụ sở chính đặt tại: Số 138B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 443 151 Fax: (84-4) 38 464 051

Thông tin về Chi nhánh:

1. Trung tâm dịch vụ thương mại Dược mỹ phẩm

Địa chỉ: số nhà 95 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Mã số Chi nhánh: 0100109385-001

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013
(tiếp theo)

2. Tổng Công ty Dược Việt Nam (Chi nhánh Myanmar)
Địa chỉ: 99A/2.2 đường Thanlwin, quận Kamayut, Khu Yangon, Myanmar

Thông tin về Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam
Địa chỉ: 178 Điện Biên Phủ, Phường 06, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
MST phòng đại diện: 0100109385-002

Thông tin về địa điểm kinh doanh:

Kho Vinapharm - Tổng Công ty Dược Việt Nam
Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00008

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Fast Accounting.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền của Công ty mẹ - Tổng Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại giao dịch nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị dụng cụ văn phòng	03 - 05

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn và các khoản hợp tác kinh doanh có thời hạn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc ngày thực hiện hợp tác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty con sở hữu 100 % vốn là các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 1 - CPC1, Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 2 - Codupha, Công ty TNHH MTV Dược TW 3 được ghi nhận theo Quyết định chuyển đổi các Công ty trên thành công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, bắt đầu từ thời điểm nhận quản lý phần vốn Nhà nước.

Khoản đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25 và Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco được ghi nhận theo giá gốc và giá mua bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết là khoản đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2, Công ty CP Dược phẩm Imexpharm, Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar, Công ty CP Bao bì Dược, Công ty CP Dược phẩm Trung Ương Vidipha, Công ty CP Dược liệu Trung ương 2, Công ty CP Dược Danapha, Công ty CP Dược phẩm Yên Bái, Công ty CP Dược phẩm Sanofi - Synthelabo, Công ty CP Dược Danapha - Nanosome và Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3 được ghi nhận theo giá gốc và giá mua bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Công ty CP Hóa dược Việt Nam, Công ty CP Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd, Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex, Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex và Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam được ghi nhận theo giá gốc và giá mua, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Tại ngày 31/12/2013, Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá.

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty mẹ - Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng, cửa hàng, điện nước, doanh thu bán hàng hóa và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Doanh thu cho thuê văn phòng, cửa hàng, điện nước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng thuê, hóa đơn phát hành cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, lãi suất và doanh thu từ lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở lợi nhuận hợp tác thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các thông báo trả cổ tức của các công ty cổ phần phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

7. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

7.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế. Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

7.2 Ghi nhận Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Trung tâm nghiên cứu và phát triển Khoa học Công nghệ Dược, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

7.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

7.4 Chính sách ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà, cửa hàng và tiền điện nước được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền	4.577.707.702	6.511.736.587
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>698.358.798</i>	<i>73.630.064</i>
VND	685.066.604	73.630.064
USD	13.292.194	-
<i>Chi nhánh tại MYANMAR (USD)</i>	<i>13.292.194</i>	<i>-</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.879.348.904</i>	<i>6.438.106.523</i>
VND	2.056.058.367	6.438.106.523
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Đa</i>	<i>588.545.998</i>	<i>5.781.476.558</i>
<i>Ngân hàng NN và PT nông thôn Việt Nam - CN Láng Hạ</i>	<i>2.642.883</i>	<i>2.148.983</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long</i>	<i>1.303.695.077</i>	<i>3.976.910</i>
<i>Ngân hàng NN và PT nông thôn Tây Hà Nội - PGD Nhân Chính</i>	<i>-</i>	<i>1.503.523</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm</i>	<i>2.148.653</i>	<i>1.752.038</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình</i>	<i>73.304.243</i>	<i>512.841.656</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình</i>	<i>7.370.983</i>	<i>2.203.962</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng</i>	<i>2.774.628</i>	<i>2.728.953</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	<i>2.620.348</i>	<i>1.478.395</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân</i>	<i>-</i>	<i>3.958.348</i>
<i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức</i>	<i>8.536.986</i>	<i>14.622.997</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</i>	<i>31.935.344</i>	<i>90.736.879</i>
<i>Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình</i>	<i>18.272</i>	<i>61.635</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>4.853.980</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội</i>	<i>1.026.812</i>	<i>1.010.266</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch</i>	<i>23.487.845</i>	<i>12.751.440</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	<i>269.888</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Tây Hồ</i>	<i>5.100.911</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN-Khois KHDN lớn</i>	<i>2.579.496</i>	<i>-</i>
USD	1.816.616.508	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng long</i>	<i>1.814.508.008</i>	<i>-</i>
<i>Chi nhánh Tổng Công ty tại Myanmar</i>	<i>2.108.500</i>	<i>-</i>
EUR	6.674.029	-
<i>Chi nhánh Tổng Công ty tại Myanmar</i>	<i>6.674.029</i>	<i>-</i>
Các khoản tương đương tiền	361.000.000.000	284.900.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đồng Đa</i>	<i>28.500.000.000</i>	<i>23.400.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long</i>	<i>31.600.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình</i>	<i>-</i>	<i>12.500.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng</i>	<i>-</i>	<i>18.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương	12.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15.000.000.000	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức	-	62.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	-	82.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - Khối KHDN Lớn	108.300.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Đồng Đa	129.600.000.000	-
Tổng cộng	365.577.707.702	291.411.736.587

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	60.000.000.000	40.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	20.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	135.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	-	70.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Dược Danapha	50.000.000.000	38.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd	15.000.000.000	15.000.000.000

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	9.284.727.000	9.745.456.346
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	3.745.367.575	2.766.977.164
Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	-	570.009.273
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	341.095.890	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	2.401.636.987	495.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	-	708.162.671
Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	710.273.973	325.236.111
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	899.999.000	-
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	-	708.750.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam	253.200.000	428.200.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	305.068.493	-
Công ty CP Dược Danapha	989.726.027	475.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd	-	29.166.000
Bảo hiểm xã hội	74.572	88.606
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	187.155.474	442.073.901
Phải thu tiền phí đấu giá bán hàng Dự trữ Quốc gia	31.230.000	31.230.000
Dự thu lãi Ngân hàng	196.146.667	311.472.222
Ông Nguyễn Việt Hùng	1.992.114	-
Tổng cộng	19.347.693.772	17.036.822.294

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2013	3.880.136.422	926.622.277	2.120.689.290	329.425.186	7.256.873.175
Mua trong kỳ	-	40.150.000	-	48.190.000	88.340.000
Giảm khác (*)	(54.802.800)	(84.613.570)	-	(157.624.361)	(297.040.731)
Số dư ngày 31/12/2013	3.825.333.622	882.158.707	2.120.689.290	219.990.825	7.048.172.444
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2013	2.406.458.925	896.681.883	900.045.264	227.885.551	4.431.071.623
Khấu hao trong năm	140.666.791	8.411.488	208.866.399	43.876.269	401.820.947
Tăng khác	-	28.889.731	-	-	28.889.731
Giảm khác (*)	(38.954.017)	(84.613.570)	-	(81.852.495)	(205.420.082)
Số dư ngày 31/12/2013	2.508.171.699	849.369.532	1.108.911.663	189.909.325	4.656.362.219
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2013	1.473.677.497	29.940.394	1.220.644.026	101.539.635	2.825.801.552
- Tại ngày 31/12/2013	1.317.161.923	32.789.175	1.011.777.627	30.081.500	2.391.810.225

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.029.799.700 VND

(*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 84.613.570 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL là: 212.427.061 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
a. Đầu tư vào công ty con		318.718.648.438		331.468.648.438
✓ Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	5.699.790	61.743.980.000	5.699.790	61.743.980.000
✓ Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	-	-	1.275.000	12.750.000.000
✓ Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	825.000	8.250.000.000	825.000	8.250.000.000
✓ Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	3.780.000	39.595.500.000	3.780.000	39.595.500.000
✓ Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - CPC I	-	86.939.012.086	-	86.939.012.086
✓ Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 - Codupha	-	105.385.698.256	-	105.385.698.256
✓ Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	-	16.804.458.096	-	16.804.458.096
b. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		270.189.505.000		252.939.505.000
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	4.582.965	79.890.950.000	4.582.965	79.890.950.000
Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	2.940.300	26.730.000.000	2.940.300	26.730.000.000
Công ty CP Bao bì Dược	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương Vidipha	2.579.040	30.626.100.000	2.579.040	30.626.100.000
Công ty CP Dược liệu Trung ương 2	1.260.000	8.400.000.000	1.260.000	8.400.000.000
Công ty CP Dược Danapha	2.916.125	52.598.500.000	2.916.125	52.598.500.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	520.000	7.600.000.000	520.000	7.600.000.000
Công ty CP Dược phẩm Sanofi - Synthelabo	232.398	23.239.800.000	232.398	23.239.800.000
Công ty CP Dược Danapha - Nanosome	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (*)	1.275.000	12.750.000.000	-	-
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3 (**)	899.999	19.354.155.000	449.999	14.854.155.000

(*) - Lý do thay đổi giá trị khoản đầu tư: Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ tại Công ty Dược phẩm Trung ương 2 giảm từ 51% đến 25,5%.

(**) - Lý do thay đổi giá trị khoản đầu tư: Công ty mua bổ sung 450.000 CP của Công ty CP Dược phẩm TW 3 theo tỷ lệ phần trăm vốn góp.

+ Về số lượng CP

450.000

+ Về giá trị

4.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

c. Đầu tư dài hạn khác		46.548.505.000		59.072.905.000
Công ty CP Dược phẩm OPC	2.375.100	15.834.000.000	2.375.100	15.834.000.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam	166.670	1.854.215.000	166.670	1.854.215.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd	450.345	3.120.000.000	450.345	3.120.000.000
Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	713.750	8.322.500.000	713.750	8.322.500.000
Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex	1.579.833	17.217.790.000	1.579.833	17.217.790.000
Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty CP Dược phẩm VCP(*)	-	-	1.252.440	12.524.400.000

(*) Lý do thay đổi giá trị khoản đầu tư: Công ty chuyển nhượng số CP tại Công ty CP Dược phẩm VCP cho Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 1 theo Hợp đồng chuyển nhượng CP ngày 26/10/2012.

+ Về số lượng CP 1.252.440

+ Về giá trị 12.524.400.000

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trung tâm nghiên cứu và phát triển Khoa học Công nghệ Dược	4.312.992.565	-
Tổng cộng	4.312.992.565	-

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	892.520.142	271.728.191
Tổng cộng	892.520.142	271.728.191

Giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là: 120.510.380 VND.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2013
Thuế GTGT đầu ra	49.254.587	111.439.507	160.694.094	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	200.228.495	200.228.495	-
Thuế TNDN	8.632.110.967	10.922.775.953	15.632.110.967	3.922.775.953
Thuế thu nhập cá nhân	532.111.387	804.158.273	1.118.947.987	217.321.673

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Thuế nhà đất, tiền thuê đất	30.232.800	2.649.238.998	2.679.471.798	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.243.709.741			4.140.097.626

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.101.546	102.483.835
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1 (i)	-	1.000.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyl (ii)	150.342.561	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	182.083.110	-
<i>Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Thái Hưng</i>	<i>7.238.110</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng</i>	<i>163.845.000</i>	<i>-</i>
<i>Tiền bán hồ sơ thầu Dự án BA/BE</i>	<i>11.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	408.527.217	1.102.483.835

(i) Là khoản Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1 trả trước lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh

(ii) Là khoản Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyl trả thừa lợi nhuận hợp tác kinh doanh Tổng Công ty được hưởng theo Biên bản thanh lý hợp đồng

10. Vốn chủ sở hữu**10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Số dư ngày 01/01/2012	439.550.852.683	-	439.550.852.683
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	149.616.779.683	149.616.779.683
Giảm khác	-	(149.616.779.683)	(149.616.779.683)
Số dư ngày 31/12/2012	439.550.852.683	-	439.550.852.683
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	102.106.181.415	102.106.181.415
Giảm khác	-	(18.279.690.455)	(18.279.690.455)
Số dư ngày 31/12/2013	439.550.852.683	83.826.490.960	523.377.343.643

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***10.2 Các quỹ của doanh nghiệp***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	411.826.294.941	-	-	411.826.294.941
Quỹ dự phòng tài chính	48.853.341.291	-	-	48.853.341.291
Tổng cộng	460.679.636.232	-	-	460.679.636.232

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	7.344.424.224	-
Doanh thu bán thành phẩm	131.472.865	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.921.731.828	2.850.925.492
Tổng cộng	10.397.628.917	2.850.925.492

12. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa	7.044.650.194	-
Giá vốn thành phẩm	72.725.071	-
Giá vốn dịch vụ	368.192.654	378.142.178
Tổng cộng	7.485.567.919	378.142.178

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.634.363.579	23.492.445.283
Cổ tức	69.337.853.555	103.456.515.300
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.164.368.468	413.057.626
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	38.029.289.330	57.969.805.566
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	860.772	-
Tổng cộng	133.166.735.704	185.331.823.775

14. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.488.724	-
Tổng cộng	24.488.724	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	143.564.364.621	188.780.768.724
Chi phí phát sinh trong kỳ	30.535.407.253	23.777.234.247
Chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	30.535.407.253	23.777.234.247
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	113.028.957.368	165.003.534.477
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	69.337.853.555	103.456.515.300
Lợi nhuận và cổ tức được chia	69.337.853.555	103.456.515.300
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	43.691.103.813	61.547.019.177
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.922.775.953	15.386.754.794

16. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.915.227.039	624.713.992
Chi phí nhân công	11.820.536.710	11.552.827.285
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.019.104.507	786.606.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	401.820.947	483.474.674
Thuế, phí và lệ phí	2.862.932.647	5.087.246.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.256.580	563.554.584
Chi phí khác bằng tiền	5.880.990.099	4.678.810.122
Tổng cộng	30.509.868.529	23.777.234.247

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cổ tức được chia		69.337.853.555	103.456.515.300
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	1.709.937.000	5.699.790.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	594.690.455	-
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	-	765.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	Công ty con	1.134.000.000	3.969.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty con	1.485.000.000	1.402.500.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Công ty liên kết	382.500.000	-
Công ty CP Bao bì Dược	Công ty liên kết	630.000.000	540.000.000
Công ty CP Dược Danapha	Công ty liên kết	5.540.637.500	4.957.412.500
Công ty CP Dược phẩm Sanofi - Synthelabo	Công ty liên kết	20.999.720.000	44.999.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	Công ty liên kết	9.408.960.000	7.350.750.000
Công ty CP Dược liệu Trung ương 2	Công ty liên kết	1.260.000.000	4.195.800.000
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết	9.165.930.000	14.165.528.800
Công ty CP Dược phẩm Trung ương Vidiapha	Công ty liên kết	4.642.272.000	4.126.464.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	Công ty liên kết	884.000.000	884.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết	1.799.998.000	899.999.000
Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	Đầu tư dài hạn	713.750.000	571.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd	Đầu tư dài hạn	675.517.500	600.000.000
Công ty CP Dược phẩm OPC	Đầu tư dài hạn	5.225.220.000	4.750.200.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam	Đầu tư dài hạn	250.005.000	250.005.000
Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam - CPV	Đầu tư dài hạn	150.000.000	170.000.000
Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex	Đầu tư dài hạn	2.685.716.100	3.159.666.000
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thuế TNDN		38.029.289.330	57.969.805.566
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	7.825.045.767	8.667.076.836
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Công ty liên kết	3.849.589.042	3.448.220.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	Công ty con	1.873.767.123	4.195.230.240
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	10.336.842.467	12.631.490.286
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Công ty con	3.373.739.726	13.669.779.109
Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3	Công ty con	1.564.720.548	2.168.238.464
Công ty CP Dược Danapha	Công ty liên kết	5.701.671.232	7.552.800.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết	-	1.602.515.069
Công ty CP Hóa dược Việt Nam	Đầu tư dài hạn khác	81.465.753	828.424.658
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd	Đầu tư dài hạn khác	2.036.876.439	1.553.761.644
Công ty CP Bao bì Dược	Công ty liên kết	-	278.722.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	Công ty liên kết	1.385.571.233	1.373.547.260
Thu phí sử dụng vốn		101.585.404	101.585.404
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	101.585.404	101.585.404
Lãi chậm nộp tiền CP hóa		827.051.562	-
Công ty CP Dược phẩm TW1 - Pharbaco	Công ty con	827.051.562	-
Lãi chậm trả tiền chuyển nhượng CP		209.311.890	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung Ương 1	Công ty con	209.311.890	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		679.281.150	838.128.364
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	679.281.150	516.485.374
Công ty CP Hóa Dược phẩm Mekophar	Công ty liên kết	-	321.642.990

1.2 Lương ban Tổng giám đốc

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương	1.435.559.067	2.408.067.207
Tổng cộng	1.435.559.067	2.408.067.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu khác		18.931.094.945	16.251.957.565
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1		9.284.727.000	9.745.456.346
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2		3.745.367.575	2.766.977.164
Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam		-	570.009.273
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25		341.095.890	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1		2.401.636.987	495.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2		-	708.162.671
Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3		710.273.973	325.236.111
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3		899.999.000	-
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3		-	708.750.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam		253.200.000	428.200.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái		305.068.493	-
Công ty CP Dược Danapha		989.726.027	475.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyl		-	29.166.000
Phải thu khách hàng		679.281.150	-
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	679.281.150	-
Phải trả dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	5.000.000	5.000.000
Đầu tư ngắn hạn		400.000.000.000	401.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1		90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2		60.000.000.000	40.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25		20.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1		135.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2		-	70.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Trung ương 3		20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Dược Danapha		50.000.000.000	38.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Yên Bái		10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyl		15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Hóa dược Việt Nam		-	3.000.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn		152.378.106	50.792.702
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	152.378.106	50.792.702
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		10.158.540.463	10.158.540.463
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	Đơn vị phụ thuộc	10.158.540.463	10.158.540.463
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác		150.342.561	1.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	Công ty con	-	1.000.000.000
Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyl (ii)	Đầu tư dài hạn	150.342.561	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***2. Những thông tin khác****2.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Điện Dương	816.984.843	-
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược Mỹ phẩm	679.281.150	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại An Vượng	-	508.392.230
Công ty CP Kính mát thành phố Hồ Chí Minh	613.575.730	299.078.220
Tổng cộng	2.109.841.723	807.470.450

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Quốc tế	2.238.390.000	-
Công ty CP XDDD và Công nghiệp HANCIC	1.023.966.000	-
Công ty CP Thiết bị vật tư KHKT và du lịch Trung Sơn T.S.S.E	792.000.000	-
Trần Hoài Giang	142.500.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	136.804.300	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam	123.689.500	123.689.500
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Quản lý Doanh nghiệp	-	82.500.000
Các đối tượng khác	204.034.519	148.785.600
Tổng cộng	4.661.384.319	354.975.100

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	501.741.297	680.856.400
Nguyễn Quý Sơn	129.602.620	-
Nguyễn Huy Thanh	104.423.464	65.000.000
Bùi Vũ Dũng	88.023.125	10.000.000
Mai Tất Thắng	50.000.000	269.387.000
Vũ Kim Chi	34.897.000	-
Nguyễn Đức Thịnh	8.297.738	255.469.400
Trần Tổ Loan	4.300.000	63.000.000
Các đối tượng khác	82.197.350	18.000.000
Tổng cộng	501.741.297	680.856.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

2.4 Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Thái Hưng	27.382.050	-
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Hoàng Hà	25.931.400	-
Công ty CP thiết bị PCCC Thăng Long	25.872.000	-
Hợp tác xã Thương mại DV Thanh Xuân	9.502.000	9.502.000
Công ty TNHH Vật tư Khoa học kỹ thuật Đông Dương	1.829.002.000	-
Các đối tượng khác	2.845.168	-
Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	2.735.168	-
Phạm Thị Quỳnh	110.000	-
Tổng cộng	1.920.534.618	9.502.000

2.5 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	5.000.000	5.000.000

2.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	900.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.799.909	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.550.000	-
Chi phí bằng tiền khác	70.091.623	-
Tổng cộng	76.341.532	-

2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.819.636.710	11.552.827.285
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	798.901.774	624.713.992
Chi phí đồ dùng văn phòng	505.593.733	384.018.713
Chi phí khấu hao TSCĐ	812.343.710	774.482.391
Thuế, phí và lệ phí	2.862.932.647	5.087.246.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	606.706.580	563.554.584
Chi phí bằng tiền khác	5.542.893.924	4.412.248.268
Tổng cộng	22.949.009.078	23.399.092.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

2.8 Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền thu do thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	-	1.470.000
Xử lý Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	596.549.457
Tổng cộng	-	598.019.457

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc





Vũ Hồng Quý

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Đức Sơn